

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
**KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;*

*Thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Văn bản số 5035/BKHĐT-TH ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Xét Tờ trình số 320/TTr-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 329/BC-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1. Nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên bố trí vốn thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023

a) Phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ và các nghị quyết của Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

b) Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023 bao gồm: (i) kế hoạch của các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và (ii) kế hoạch vốn của nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

c) Việc xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, khắc phục triệt để tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án.

d) Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2022 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021 và dự kiến giải ngân năm 2022 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022).

đ) Việc phân bổ vốn phải bảo đảm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí đủ vốn để thu hồi vốn ứng trước nguồn NSTW còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2023 để phát huy hiệu quả đầu tư;

- Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ, dự án nêu trên mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới có đủ thủ tục đầu tư và được chuẩn bị kỹ để sẵn sàng triển khai thực hiện.

2. Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023 dự kiến 7.120,738 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách địa phương 3.063,738 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách trung ương 4.047 tỷ đồng; Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật: 10 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01).

### 3. Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023

a) Nguồn ngân sách Trung ương: 4.047 tỷ đồng tỷ đồng. Phân bổ như sau: Vốn đầu tư các danh mục, nhiệm vụ dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 2.229,934 tỷ đồng, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội là 810 tỷ đồng, Vốn nước ngoài (ODA) và đối ứng ODA là 606,603 tỷ đồng, Các Chương trình mục tiêu quốc gia là 400,463 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 02, 03, 04, 05).*

b) Nguồn ngân sách địa phương: 3.063,738 tỷ đồng. Phân bổ như sau: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 1.500 tỷ đồng, Bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài 105 tỷ đồng, Vốn ngân sách xây dựng cơ bản tập trung: 1.170 tỷ đồng, Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 10 tỷ đồng, Bội chi ngân sách địa phương: 278,738 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 06, 07, 08, 09).*

c) Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật là 10 tỷ đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục số 10).*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; kịp thời chỉ đạo hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới; đảm bảo điều kiện giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định.

Chỉ đạo các cơ quan liên quan, theo dõi sát tình hình thu, chi ngân sách năm 2022 và dự kiến số thu, chi ngân sách năm 2023, tổng hợp đầy đủ các nguồn vốn đưa vào cân đối ngay trong kế hoạch đầu tư công năm 2023, nhất là nguồn thu tiền sử dụng đất. Đồng thời, rà soát, cắt giảm một số nhiệm vụ chi chưa thật sự cấp thiết để bổ sung chi đầu tư.

Kịp thời xử lý những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn liên quan đến triển khai, giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; linh hoạt điều chuyển vốn đầu tư công từ các dự án, nhiệm vụ chi giải ngân thấp, không có khả năng giải ngân sang dự án, nhiệm vụ chi giải ngân tốt, có khối lượng hoàn thành; giữa các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tỉnh năm 2022; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả giao vốn, điều chuyển vốn năm 2022 tại Kỳ họp cuối năm 2022.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Trung Dũng**



**Phụ lục 01: ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 VÀ  
NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2022			KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Kế hoạch	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022				
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>7.437.308</b>	<b>3.252.288</b>	<b>7.036.891</b>	<b>28.155.545</b>	<b>810.000</b>	<b>7.120.738</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn NSNN</b>	<b>7.437.308</b>	<b>3.252.288</b>	<b>7.036.891</b>	<b>28.145.545</b>	<b>810.000</b>	<b>7.110.738</b>	
a)	<b>Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>2.713.390</b>	<b>966.250</b>	<b>2.645.403</b>	<b>13.074.901</b>	-	<b>3.063.738</b>	
-	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm đất, xổ số và bội chi)	596.090	178.000	596.090	3.360.200	-	1.275.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.800.000	772.234	1.800.000	8.000.000	-	1.500.000	
-	Xổ số kiến thiết	11.000	-	11.000	50.000	-	10.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	306.300	16.016	238.313	1.664.701	-	278.738	
b)	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>4.723.918</b>	<b>2.286.039</b>	<b>4.391.488</b>	<b>15.070.644</b>	<b>810.000</b>	<b>4.047.000</b>	
-	Vốn trong nước	3.974.318	2.141.645	3.974.318	11.865.814	810.000	3.470.397	
	<i>Trong đó: Từ nguồn vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>					<i>810.000</i>	<i>810.000</i>	
-	Vốn nước ngoài	749.600	144.394	417.170	3.204.830		576.603	
<b>2</b>	<b>Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật</b>				<b>10.000</b>		<b>10.000</b>	

**Phụ lục 02: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025**



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023			Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã giải ngân vốn đến hết KH năm 2022		Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>14.101.181</b>	<b>11.832.804</b>	<b>3.598.850</b>	<b>3.436.680</b>	<b>3.588.850</b>	<b>3.436.680</b>	<b>3.310.747</b>	<b>2.970.235</b>	<b>8.656.407</b>	<b>4.210.707</b>	<b>4.836.273</b>	<b>3.405.150</b>	<b>2.428.934</b>	<b>2.229.934</b>	<b>805.557</b>		
<b>I</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>		<b>143.376</b>	<b>95.000</b>	<b>63.000</b>	<b>53.000</b>	<b>63.000</b>	<b>53.000</b>	<b>114.000</b>	<b>95.000</b>	<b>78.000</b>	-	<b>78.000</b>	-	<b>9.000</b>	-	-		
<b>a</b>	<b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>																		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đồn 575, Bản Giàng)	790/QĐ-UBND, 31/3/2016; 246/QĐ-UBND, 26/3/2021, 2798/QĐ-UBND, 05/8/202	143.376	95.000	63.000	53.000	63.000	53.000	114.000	95.000	78.000		78.000		9.000				
<b>II</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>		<b>170.000</b>	<b>137.700</b>	<b>15.570</b>	<b>15.000</b>	<b>15.570</b>	<b>15.000</b>	<b>16.070</b>	<b>15.000</b>	<b>137.700</b>	-	<b>15.000</b>	-	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-		
<b>a</b>	<b>Danh mục dự án khởi công mới năm 2023</b>																		
1	Đầu tư xây dựng Trường nghề chất lượng cao. Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	90.000	72.700	570	-	570	-	570	-	72.700		-		-			Dự án đang thực hiện điều chỉnh địa điểm và quy mô đầu tư	
<b>b</b>	<b>Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>																		
2	Trường Cao đẳng Y tế Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	1078; 25/5/2022	80.000	65.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.500	15.000	65.000		15.000		20.000	20.000			
<b>III</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>		<b>230.000</b>	<b>175.000</b>	<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>45.980</b>	<b>45.000</b>	<b>175.000</b>	-	<b>45.000</b>	-	<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	-		
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>																		
1	Dự án Trung tâm Sản nhi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	1008; 13/5/2022	170.000	120.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.560	30.000	120.000		30.000		30.000	30.000			
2	Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Tĩnh (giai đoạn 2)	572; 14/3/2022	60.000	55.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.420	15.000	55.000		15.000		15.000	15.000			
<b>IV</b>	<b>VĂN HÓA</b>		<b>170.959</b>	<b>66.996</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>15.000</b>	<b>84.758</b>	<b>61.996</b>	<b>30.000</b>	-	<b>25.000</b>	-	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>	-		
<b>a</b>	<b>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>																		
1	Tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 1)	3161/QĐ-UBND; 31/10/2017, 2798/QĐ-UBND; 05/8/2021	170.959	66.996	15.000	15.000	15.000	15.000	84.758	61.996	30.000		25.000		5.000	5.000		Đề nghị cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân để hoàn thành dự án trong năm 2023	
<b>V</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>		<b>1.328.070</b>	<b>920.523</b>	<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	<b>357.820</b>	<b>250.523</b>	<b>785.000</b>	-	<b>100.000</b>	-	<b>260.000</b>	<b>260.000</b>	-		

TT	Danh mục dự án	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2022										
			Tổng số (tải cả các nguồn vốn)	Tổng số (tải cả các nguồn NSTW)	Tổng số (tải cả các nguồn vốn)	Tổng số (tải cả các nguồn NSTW)									
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2023		Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023		Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
c	Dự án đầu tư tranh trả báo cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	94/HĐND: 29/3/2017	16/NQ-HĐND: 17/7/2021	120.000	70.000	2.000	70.000								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
1	Dự án đầu tư tranh trả báo cho tàu cá Cửa Khẩu, thị xã Kỳ Anh, Giai đoạn 2	94/HĐND: 29/3/2017	16/NQ-HĐND: 17/7/2021	120.000	70.000	2.000	70.000								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
2	Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho Nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận thuộc huyện Hương Khê	1092/QĐ-UBND: 09/5/2016, 2798/QĐ-UBND: 05/8/2021	229.465	135.523	40.000	40.000	40.000								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
3	Dự án hệ thống tưới tiêu các xã trong diện sản xuất nông nghiệp huyện Đức Thọ, huyện Cẩm Lộc và Thị xã Hồng Lĩnh	16/NQ-HĐND: 17/7/2021	250.000	200.000	4.000	200.000	200.000								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
VI	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		7.712.063	7.526.543	2.243.057	2.243.057	2.243.057								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ
VII	GAO THÔNG		2.594.716	1.645.000	632.223	632.223	632.223								
								Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ				
												Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ	Tài trợ

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
																	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước
<b>a</b>	<b>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</b>																	
1	Đường vào các xã Hà Linh, Hương Thủy, Hương Giang, Lộc Yên, Hương Đô và Phúc Trạch, huyện Hương Khê (đoạn K15+642,72 đến K25+252,86)	2941/QĐ-UBND, 19/10/2016; 2304/QĐ-UBND, 31/7/2020, 2798/QĐ-UBND, 05/8/2021	100.725	80.000	25.000	25.000	25.000	25.000	93.823	80.000	65.000		60.000	5.000	5.000			
<b>b</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>																	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Lộc Yên - Đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Km39+030 - Km47+930)	2926; 17/8/2021	266.000	200.000	100.000	100.000	100.000	100.000	102.610	100.000	200.000		100.000	80.000	80.000			
3	Dự án nâng cấp, mở rộng đường nội Quốc lộ 1 tại ngã ba Thạch Long đi đường tỉnh ĐT.549	3243; 24/9/2021	90.000	75.000	46.600	45.000	46.600	45.000	46.600	45.000	75.000		45.000	30.000	30.000			
3	Dự án cải tạo mặt đường, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đường Quang Trung đoạn từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hồ Độ và bổ sung 01 đơn nguyên cầu Hồ Độ	2781; 03/8/2021	157.000	110.000	105.623	105.623	105.623	105.623	108.223	105.623	110.000		105.623	4.377	4.377			
4	Dự án Đường thị trấn Nghèn - Đồng Lộc, huyện Can Lộc	2937; 18/8/2021	185.000	120.000	90.000	90.000	90.000	90.000	91.600	90.000	120.000		90.000	30.000	30.000			
5	Đường giao thông liên xã An Hòa Thịnh - Sơn Tiến, huyện Hương Sơn	919; 04/5/2022	140.000	80.000	15.000	15.000	15.000	15.000	16.400	15.000	80.000		15.000	30.000	30.000			
6	Đường vành đai thị xã Hồng Lĩnh (đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Tiên Sơn)	107; 13/01/2022	150.000	100.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.540	25.000	100.000		25.000	30.000	30.000			
7	Đường vành đai phía Đông, thành phố Hà Tĩnh	956; 09/5/2022	950.000	450.000	100.000	100.000	100.000	100.000	101.890	100.000	450.000		100.000	300.000	200.000			
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cẩm Thạch - Thạch Hối, huyện Cẩm Xuyên	344; 07/02/2022	124.991	100.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.960	40.000	100.000		40.000	30.000	30.000			
9	Đường giao thông nối từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê	903; 04/5/2022	185.000	140.000	25.000	25.000	25.000	25.000	26.200	25.000	140.000		25.000	50.000	50.000			
10	Đường trục ngang ven biển huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	731; 07/4/2022	164.000	120.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.700	40.000	120.000		40.000	40.000	40.000			
11	Dự án Đường từ Thị trấn Đức Thọ đến khu lưu niệm Trần Phú, huyện Đức Thọ	684; 31/3/2022	82.000	70.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.950	20.000	70.000		20.000	20.000	20.000			
<b>VIII</b>	<b>DỰ LỊCH</b>		<b>314.592</b>	<b>246.042</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>66.870</b>	<b>65.000</b>	<b>180.000</b>		<b>65.000</b>	<b>78.000</b>	<b>78.000</b>			
<b>a</b>	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>																	
1	Dự án Xây dựng hạ tầng khu du lịch Nam Thiên Cẩm huyện Cẩm Xuyên	857; 26/4/2022	176.042	176.042	45.000	45.000	45.000	45.000	45.670	45.000	90.000		45.000	30.000	30.000			
2	Hạ tầng khu du lịch biển Xuân Thành, huyện Nghi Xuân	827; 21/4/2022	138.550	90.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.400	20.000	90.000		20.000	40.000	40.000			



TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023			Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022.		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước			Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước	Tổng số	Trong đó: Thu hồi ứng trước				
																Tổng số		Trong đó: Thu hồi ứng trước
IX	<b>DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN</b>		1.437.405	1.000.000	435.000	285.000	435.000	285.000	439.250	285.000	1.000.000	-	285.000	-	390.000	300.000	-	
a	<b>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>																	
1	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ I đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	755; 12/4/2022	1.437.405	1.000.000	435.000	285.000	435.000	285.000	439.250	285.000	1.000.000		285.000		390.000	300.000		

**Phụ lục 3: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Dự kiến KH Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2022		Tổng số		Trong đó: Chuẩn bị đầu tư
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			
<b>TỔNG SỐ</b>			<b>1.023.326</b>	<b>810.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>810.000</b>	-	-	-	<b>810.000</b>	-	
<b>I</b>	<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>		<b>668.826</b>	<b>500.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>500.000</b>	-	-	-	<b>500.000</b>	-	
1	Dự án Đường từ Quốc lộ 12C đi khu liên hợp gang thép Formosa, tỉnh Hà Tĩnh	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	668.826	500.000	-	-	-	-	-	-	500.000	-	-	-	500.000	-	Đề xuất đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn của Chương trình trong năm 2023 theo Văn bản số 5035 của Bộ KHĐT
<b>II</b>	<b>PHÒNG, CHỐNG SẠT LỞ BỜ SÔNG BỜ BIỂN, ĐẢM BẢO AN TOÀN HỒ CHỨA, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, KHÁC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI</b>		<b>90.000</b>	<b>80.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>80.000</b>	-	-	-	<b>80.000</b>	-	
1	Kê bảo vệ bờ sông Ngàn sâu đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ	74/NQ-HĐND ngày 23/6/2022	90.000	80.000	-	-	-	-	-	-	80.000	-	-	-	80.000	-	
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ</b>		<b>264.500</b>	<b>230.000</b>	-	-	-	-	-	-	<b>230.000</b>	-	-	-	<b>230.000</b>	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Hà Tĩnh		193.000	169.000	-	-	-	-	-	-	169.000	-	-	-	169.000	-	
2	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo 19 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hà Tĩnh		71.500	61.000	-	-	-	-	-	-	61.000	-	-	-	61.000	-	

**Phụ lục 04: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGAY SẠCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023**



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư						KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025						Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú		
			TMĐT						Giai đoạn 2021-2025						Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:	
				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)							
															Quy đổi ra tiền Việt					
Tổng số	Trong đó: Vốn NSTW																			
Tổng số	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)								
<b>TỔNG SỐ</b>			5.400.131	1.152.852	204.295	4.247.270	3.069.254	1.178.016	446.588	60.000	386.588	3.034.600	155.000	2.879.600	1.220.492	90.000	1.130.492	606.603	30.000	576.603
<b>A</b>	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>		5.400.131	1.152.852	204.295	4.247.270	3.069.254	1.178.016	446.588	60.000	386.588	3.034.600	155.000	2.879.600	1.220.492	90.000	1.130.492	606.603	30.000	576.603
<b>I</b>	<b>ĐÔ THỊ</b>		2.800.271	590.616	-	2.209.647	1.586.615	623.032	130.000	-	130.000	1.586.615	-	1.586.615	314.206	-	314.206	340.000	-	340.000
<i>I</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																			
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp đô thị đồng lục - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.070	-	956.040	573.624	382.416	120.000	-	120.000	573.624	-	573.624	187.000	-	187.000	100.000	-	100.000
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	-	673.850	544.133	129.717	5.000	-	5.000	544.133	-	544.133	59.206	-	59.206	150.000	-	150.000
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	-	579.757	468.858	110.899	5.000	-	5.000	468.858	-	468.858	68.000	-	68.000	90.000	-	90.000
<b>II</b>	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>		181.254	28.145	-	153.109	122.487	30.622	21.719	-	21.719	121.127	-	121.127	77.060	-	77.060	30.000	-	30.000
<i>I</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																			
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	-	153.109	122.487	30.622	21.719	-	21.719	121.127	-	121.127	77.060	-	77.060	30.000	-	30.000
<b>III</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>		963.595	133.413	21.708	830.181	726.513	103.668	142.550	-	142.550	691.777	-	691.777	338.374	-	338.374	139.374	-	139.374
<i>I</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>																			
(1)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	-	458.875	390.044	68.831	70.550	-	70.550	356.748	-	356.748	262.374	-	262.374	94.374	-	94.374

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư							Năm 2022			KH đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023			Ghi chú
		Số quyết định	TMĐT						Ước giải ngân kế hoạch vốn NSTW năm 2022 từ 1/1/2022 đến 31/12/2022			Giai đoạn 2021-2025			Trong đó: Đã giao các năm 2021, 2022					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		
						Tổng số	Trong đó:	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt											
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại															
(2)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	21.708	371.306	336.469	34.837	72.000		72.000	335.029		335.029	76.000		76.000	45.000		45.000
<b>IV</b>	<b>GIAO THÔNG</b>		<b>1.378.583</b>	<b>391.011</b>	<b>182.587</b>	<b>987.571</b>	<b>566.877</b>	<b>420.694</b>	<b>128.319</b>	<b>60.000</b>	<b>68.319</b>	<b>568.319</b>	<b>155.000</b>	<b>413.319</b>	<b>441.319</b>	<b>90.000</b>	<b>351.319</b>	<b>80.000</b>	<b>30.000</b>	<b>50.000</b>
<i>I</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																			
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	182.587	987.571	566.877	420.694	128.319	60.000	68.319	568.319	155.000	413.319	441.319	90.000	351.319	80.000	30.000	50.000
<b>V</b>	<b>Y TẾ</b>		<b>76.429</b>	<b>9.667</b>	<b>-</b>	<b>66.762</b>	<b>66.762</b>	<b>-</b>	<b>24.000</b>	<b>-</b>	<b>24.000</b>	<b>66.762</b>	<b>-</b>	<b>66.762</b>	<b>49.533</b>	<b>-</b>	<b>49.533</b>	<b>17.229</b>	<b>-</b>	<b>17.229</b>
<i>I</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>																			
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	762/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	76.429	9.667		66.762	66.762		24.000		24.000	66.762		66.762	49.533		49.533	17.229		17.229





**Phụ lục 05: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú		
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021,2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)		Trong đó: NSTW	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW							Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư				
																		Tổng số
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>580.313</b>	<b>298.675</b>	<b>580.313</b>	<b>298.675</b>	<b>577.894</b>	<b>296.256</b>	<b>1.005.783</b>	<b>1.041</b>	<b>324.029</b>	<b>1.041</b>	<b>725.138</b>	<b>400.463</b>			
I	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>			<b>534.560</b>	<b>258.560</b>	<b>534.560</b>	<b>258.560</b>	<b>534.560</b>	<b>258.560</b>	<b>959.224</b>		<b>283.914</b>		<b>620.000</b>	<b>310.000</b>			
a	<b>Chi đầu tư</b>			<b>271.460</b>	<b>207.100</b>	<b>271.460</b>	<b>207.100</b>	<b>263.100</b>	<b>207.100</b>	<b>702.410</b>		<b>207.100</b>		<b>310.000</b>	<b>250.000</b>			
b	<b>Chi thường xuyên</b>			<b>271.460</b>	<b>51.460</b>	<b>271.460</b>	<b>51.460</b>	<b>271.460</b>	<b>51.460</b>	<b>256.814</b>		<b>76.814</b>		<b>310.000</b>	<b>60.000</b>			
II	<b>Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững</b>			<b>30.000</b>	<b>12.007</b>	<b>37.081</b>	<b>31.443</b>	<b>37.081</b>	<b>31.443</b>	<b>12.007</b>	<b>1.041</b>	<b>31.443</b>	<b>1.041</b>	<b>92.175</b>	<b>77.500</b>			
a	<b>Chi đầu tư</b>			<b>30.000</b>	<b>12.007</b>	<b>1.041</b>	<b>1.041</b>	<b>1.041</b>	<b>1.041</b>	<b>12.007</b>	<b>1.041</b>	<b>1.041</b>	<b>1.041</b>	<b>4.400</b>	<b>4.000</b>			
	Dự án đầu tư xây dựng Sân giao dịch việc làm tại Thành phố Hà Tĩnh			30.000	12.007	1.041	1.041	1.041	1.041	12.007	1.041	1.041	1.041	4.400	4.000			
b	<b>Chi thường xuyên</b>					<b>36.040</b>	<b>30.402</b>	<b>36.040</b>	<b>30.402</b>			<b>30.402</b>	<b>-</b>	<b>87.775</b>	<b>73.500</b>			
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo					12.144	11.040	12.144	11.040			11.040		34.500	30.000			
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng					5.254	4.776	5.254	4.776			4.776		19.550	17.000			
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững					12.414	8.924	12.414	8.924			8.924		19.800	17.000			
4	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin					959	872	959	872			872		4.025	3.500			
5	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình					5.269	4.790	5.269	4.790			4.790		9.900	6.000			
III	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>					<b>8.672</b>	<b>8.672</b>	<b>8.672</b>	<b>8.672</b>	<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>34.552</b>	<b>-</b>	<b>8.672</b>	<b>-</b>	<b>12.963</b>	<b>12.963</b>	
a	<b>Chi đầu tư</b>					<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>6.253</b>	<b>34.552</b>	<b>-</b>	<b>6.253</b>	<b>-</b>	<b>10.302</b>	<b>10.302</b>	-
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn					6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	6.253	34.552		6.253		10.302	10.302	
b	<b>Chi thường xuyên</b>					<b>2.419</b>	<b>2.419</b>	<b>2.419</b>	<b>2.419</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.419</b>	<b>-</b>	<b>2.661</b>	<b>2.661</b>	
1	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>					9	9	9	9			9		10	10			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch 2023		Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 01/01/2022 đến 31/12/2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Giai đoạn 2021-2025		Trong đó: đã giao kế hoạch năm 2021,2022		Tổng số (ngân sách trung ương tính)		Trong đó: NSTW
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (ngân sách trung ương tính)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư			Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư					
													Tổng số	Trong đó: NSTW			
2	<b>Dự án 4:</b> Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc			130	130	130	130					130		143	143		
3	<b>Dự án 5:</b> Phát triển đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực			235	235	235	235					235		259	259		
4	<b>Dự án 6:</b> Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch			787	787	787	787					787		866	866		
5	<b>Dự án 8:</b> Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em			42	42	42	42					42		46	46		
6	<b>Dự án 9:</b> Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn			1.216	1.216	1.216	1.216					1.216		1.338	1.338		

Phụ lục 06: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>7.452.947</b>	<b>1.407.947</b>	<b>1.691.000</b>	<b>1.500.000</b>	
<b>A</b>	<b>Phần huyện, xã hưởng</b>				<b>6.129.385</b>	<b>1.329.385</b>	<b>1.295.401</b>	<b>1.125.000</b>	
<b>B</b>	<b>Phần tỉnh hưởng</b>				<b>1.323.562</b>	<b>78.562</b>	<b>395.599</b>	<b>375.000</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển đất</b>				<b>100.000</b>	<b>-</b>	<b>50.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>II</b>	<b>Dự kiến hoàn trả chi phí đầu tư theo đề án phát triển quỹ đất</b>				<b>256.500</b>	<b>16.500</b>	<b>38.500</b>	<b>35.000</b>	
<b>III</b>	<b>Thực hiện hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</b>				<b>127.062</b>	<b>27.062</b>	<b>24.099</b>	<b>37.500</b>	
<b>IV</b>	<b>Vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>				<b>225.000</b>	<b>35.000</b>	<b>50.000</b>	<b>42.500</b>	
<b>V</b>	<b>Đối ứng kinh phí thực hiện các Đề án đầu tư phát triển</b>				<b>80.000</b>	<b>-</b>	<b>32.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>1</b>	Các dự án thực hiện Đề án Đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2026				<b>60.000</b>		<b>12.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>VI</b>	<b>Các dự án quan trọng, cấp bách của địa phương</b>		<b>3.140.278</b>	<b>1.290.278</b>	<b>535.000</b>	<b>-</b>	<b>201.000</b>	<b>200.000</b>	
<b>1</b>	Đường trục chính trung tâm nối Quốc lộ 1 đoạn tránh thị xã Kỳ Anh đến cụm Cảng nước sâu Vũng Áng - Sơn Dương, tỉnh Hà Tĩnh	16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021	1.437.416	437.416	200.000	-	150.000	45.000	
<b>2</b>	Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn Thiên Cầm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	268/QĐ-BGTVT; 03/03/2022	1.076.000	226.000	130.000		20.000	60.000	
<b>3</b>	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài	3499; 22/10/2021	386.000	386.000	100.000	-	30.000	70.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch năm 2023	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
4	Đầu tư xây dựng Bảo tàng Hà Tĩnh	113/NQ-HĐND ngày 13/12/2018	240.862	240.862	105.000		1.000	25.000	



**Phụ lục 07: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XDCB TẬP TRUNG BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA NĂM 2022 VÀ NHU CẦU KẾ HOẠCH NĂM 2023**



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao				Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2021			Đã bố trí kế hoạch năm 2022
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
	<b>TỔNG SỐ</b>			6.809.231	1.607.060	824.835	5.202.170	84.767	52.862	83.767	265.388	42.000	84.767	105.000	
A	<b>VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC</b>			6.809.231	1.607.060	824.835	5.202.170	84.767	52.862	83.767	265.388	42.000	84.767	105.000	
I	<b>ĐÔ THỊ</b>			2.800.271	590.624	382.720	2.209.647	29.500	16.500	29.500	105.000	10.000	29.500	60.879	
I	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>														
(1)	Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh (vay vốn WB)	7816361	2791/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	1.239.119	283.079	141.539	956.040	11.500	11.500	11.500	40.000	5.000	11.500	20.000	
(2)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	7786649	2455/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	851.897	178.047	124.633	673.850	10.000		10.000	35.000	3.000	10.000	20.879	
(3)	Tiểu dự án cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ.	7853204	2749/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	709.255	129.499	116.548	579.757	8.000	5.000	8.000	30.000	2.000	8.000	20.000	
II	<b>BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>			181.254	28.145	28.145	153.109	5.500	3.095	5.500	18.000	3.000	5.500	7.500	
I	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>														
(1)	Dự án "tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai tỉnh Hà Tĩnh"	7749219	1190/QĐ-UBND ngày 04/5/2017; QĐ số 4291 ngày 31/12/2021	181.254	28.145	28.145	153.109	5.500	3.095	5.500	18.000	3.000	5.500	7.500	
III	<b>NÔNG NGHIỆP, LÀM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>			2.095.995	517.913	222.408	1.578.081	31.717	21.217	31.717	77.000	17.000	31.717	23.283	
I	<i>Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2022</i>														

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao					Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT				Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022		Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022		
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
(1)	Dự án "Cải thiện cơ sở hạ tầng cho các xã bị ảnh hưởng bởi ngập lụt của tỉnh Hà Tĩnh"	7501924	281/QĐ-TTg 01/3/2017; 35/QĐ-TTg 10/01/2018; 223/QĐ-TTg ngày 30/12/2021; 1315/QĐ-UBND 17/5/2017	667.800	333.900	60.102	333.900	13.000	6.000	13.000	25.000	6.000	13.000	6.000	
(2)	Tiểu dự án tại tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung	7676514	849/QĐ-UBND 30/3/2017; 1155/QĐ-UBND 28/4/2017	464.600	50.600	50.600	414.000	10.717	10.717	10.717	20.000	6.000	10.717	3.283	
<b>2</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>														
(1)	Dự án thành phần Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Hà Tĩnh (WB8).	7523419	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015	484.300	25.425	25.425	458.875	4.000	2.500	4.000	7.000	2.500	4.000	500	
(2)	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (Dự án FMCR) tỉnh Hà Tĩnh	7760648	286/QĐ-BNN-HTQT, ngày 21/1/2019	479.295	107.988	86.281	371.306	4.000	2.000	4.000	25.000	2.500	4.000	13.500	
<b>IV</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>1.655.283</b>	<b>460.711</b>	<b>184.174</b>	<b>1.194.571</b>	<b>15.050</b>	<b>12.050</b>	<b>15.050</b>	<b>58.000</b>	<b>12.000</b>	<b>15.050</b>	<b>8.950</b>	
<b>1</b>	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</b>														
(1)	Dự án xây dựng cầu dân sinh, quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	7593697	622/QĐ-BGTVT 02/3/2016	276.700	69.700	69.700	207.000	8.050	8.050	8.050	18.000	6.000	8.050	3.950	
<b>2</b>	<b>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</b>														
(1)	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BIIG2	7544621	613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/5/2017	1.378.583	391.011	114.474	987.571	7.000	4.000	7.000	40.000	6.000	7.000	5.000	
<b>V</b>	<b>Y TẾ</b>			<b>76.429</b>	<b>9.667</b>	<b>7.388</b>	<b>66.762</b>	<b>3.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	<b>7.388</b>	<b>-</b>	<b>3.000</b>	<b>4.388</b>	

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao				Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2022			Kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung giai đoạn 2021-2025			Nhu cầu kế hoạch vốn đối ứng ODA nguồn ngân sách XDCB tập trung năm 2023	Ghi chú	
			Số quyết định	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)	Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 30/9/2022		Ước giải ngân kế hoạch vốn từ 1/1/2022 đến 31/12/2022	Đã bố trí kế hoạch năm 2021			Đã bố trí kế hoạch năm 2022
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh									
<i>I</i>	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>														
(1)	Dự án Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh sử dụng vốn vay của Chính phủ Hàn Quốc	7840762	Số 2209/QĐ-UBND ngày 07/8/2017; điều chỉnh số 726/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh	76.429	9.667	7.388	66.762	3.000		2.000	7.388		3.000	4.388	



**Phụ lục 8: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG NĂM 2023**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
						Năm 2021	Năm 2022				
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>2.317.130</b>	<b>244.350</b>	<b>1.507.539</b>	<b>1.357.539</b>	<b>18.000</b>	<b>188.500</b>	<b>1.170.000</b>	
<b>A</b>	<b>VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</b>						<b>1.344.080</b>	<b>238.436</b>	<b>238.436</b>	<b>510.000</b>	
<b>B</b>	<b>VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ</b>			<b>2.317.130</b>	<b>244.350</b>	<b>1.507.539</b>	<b>1.357.539</b>	<b>18.000</b>	<b>188.500</b>	<b>660.000</b>	
<b>B.1</b>	<b>VỐN THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CẤP TỈNH</b>						<b>30.000</b>		<b>9.000</b>	<b>5.000</b>	
<b>B.2</b>	<b>DỰ ÁN THUỘC CÁC NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH</b>			<b>1.163.630</b>	<b>218.850</b>	<b>659.965</b>	<b>559.965</b>	<b>17.000</b>	<b>155.000</b>	<b>300.000</b>	
<b>I</b>	<b>QUỐC PHÒNG</b>			<b>143.376</b>	<b>36.000</b>	<b>28.000</b>	<b>28.000</b>	<b>9.000</b>	<b>10.000</b>	<b>9.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.553 đoạn từ Km49+900 - Km74+680 (đường Hồ Chí Minh vào Đôn 575, Bàn Giàng)	7560941	790; 31/3/2016	143.376	36.000	28.000	28.000	9.000	10.000	9.000	
<b>II</b>	<b>AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI</b>			<b>26.000</b>	<b>10.000</b>	<b>23.400</b>	<b>23.400</b>	-	<b>10.000</b>	<b>13.400</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Trụ sở làm việc Đội Tuần tra kiểm soát giao thông Quốc lộ 8A thuộc phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	26.000	10.000	23.400	23.400		10.000	13.400	
<b>III</b>	<b>Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH</b>			<b>93.800</b>	<b>10.000</b>	<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	-	<b>10.000</b>	<b>35.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Xuyên		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	93.800	10.000	85.000	85.000		10.000	35.000	
<b>IV</b>	<b>VĂN HÓA, THÔNG TIN</b>			<b>14.850</b>	<b>19.850</b>	<b>13.365</b>	<b>13.365</b>	-	<b>5.000</b>	<b>8.365</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Xây dựng di tích Làng K130 xã Tiến Lộc (nay là thị trấn Nghèn)		3751; 18/11/2021	14.850	19.850	13.365	13.365		5.000	8.365	
<b>V</b>	<b>PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN</b>			<b>55.000</b>	<b>10.000</b>	<b>49.500</b>	<b>49.500</b>	-	<b>10.000</b>	<b>25.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										



STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
				Năm 2021	Năm 2022						
1	Số hóa, tin học hóa và phát sóng qua vệ tinh (giai đoạn 3)		1465; 19/7/2022	55.000	10.000	49.500	49.500		10.000	25.000	
<b>VI</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI</b>			<b>124.616</b>	<b>30.000</b>	<b>82.800</b>	<b>82.800</b>	-	<b>30.000</b>	<b>39.735</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Trung tâm chính trị huyện Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	35.000	10.000	31.500	31.500		10.000	14.735	
2	Xây dựng Trung tâm Hội nghị trực tuyến, Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh; nâng cấp sửa chữa Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh và một số hạng mục hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên Trụ sở làm việc Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	89.616	20.000	51.300	51.300		20.000	25.000	
<b>VII</b>	<b>GIAO THÔNG</b>			<b>386.000</b>	<b>37.000</b>	<b>207.000</b>	<b>107.000</b>	<b>7.000</b>	<b>30.000</b>	<b>70.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Dự án xây dựng đường Hàm Nghi kéo dài		3499; 22/10/2021	386.000	37.000	207.000	107.000	7.000	30.000	70.000	
<b>VIII</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ</b>			<b>263.988</b>	<b>50.000</b>	<b>120.500</b>	<b>120.500</b>	-	<b>35.000</b>	<b>74.500</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Hạ tầng kỹ thuật khu vực công A, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, huyện Hương Sơn	7649786	3204; 31/10/2017	164.000	30.000	30.000	30.000		15.000	4.000	
2	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Vũng Áng 1		945; 06/5/2022	41.488	10.000	37.500	37.500		10.000	27.500	
3	Xử lý ngập úng tại Khu công nghiệp Gia Lách, huyện Nghi Xuân		1005; 13/5/2022	58.500	10.000	53.000	53.000		10.000	43.000	
<b>IX</b>	<b>DU LỊCH</b>			<b>56.000</b>	<b>16.000</b>	<b>50.400</b>	<b>50.400</b>	<b>1.000</b>	<b>15.000</b>	<b>25.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Quảng trường biển Cửa Sót Lộc Hà		269/NQ-HĐND; 18/3/2021 27/NQ-HĐND; 06/11/2021	56.000	16.000	50.400	50.400	1.000	15.000	25.000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ KC đến hết năm 2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn cân đối NSDP giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch vốn năm 2023	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn ngân sách XDCB tập trung				
							Tổng số	Trong đó:			
		Năm 2021	Năm 2022								
<b>B.3</b>	<b>HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH QUAN TRỌNG, CẤP BẠCH, PHỤC VỤ CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG</b>			<b>1.153.500</b>	<b>25.500</b>	<b>847.574</b>	<b>767.574</b>	<b>1.000</b>	<b>24.500</b>	<b>355.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>87.000</b>	<b>20.000</b>	<b>78.500</b>	<b>78.500</b>		<b>20.000</b>	<b>30.000</b>	
1	Đường huyện lộ ĐH56 đoạn qua xã Hòa Lạc, huyện Đức Thọ		955; 09/5/2022	87.000	20.000	78.500	78.500		20.000	30.000	
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới</b>			<b>1.066.500</b>	<b>5.500</b>	<b>769.074</b>	<b>689.074</b>	<b>1.000</b>	<b>4.500</b>	<b>325.000</b>	
1	Đường Xuân Diệu kéo dài đoạn từ đường bao khu đô thị Bắc đến đường Ngô Quyền, thành phố Hà Tĩnh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	234.000	500	200.000	120.000		500	80.000	
2	Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ phát triển thác Vũ Môn và phát triển vùng, huyện Hương Khê (giai đoạn 1)		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	100.000	500	75.000	75.000		500	30.000	
3	Đường trục dọc Khu đô thị trung tâm thị xã Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	125.000	500	90.000	90.000		500	30.000	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH36 (Chợ Đình - Quán Trại), huyện Can Lộc		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	100.000	500	60.000	60.000		500	30.000	
5	Cầu Hóp Chuối, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	1.500	76.000	76.000	1.000	500	40.000	
6	Đường giao thông trục chính nối các xã sát nhập xã Kim Hoa, huyện Hương Sơn		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	82.500	500	55.000	55.000		500	40.000	
7	Trung tâm văn hóa truyền thông huyện Kỳ Anh		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	75.000	500	45.100	45.100		500	10.000	
8	Đường giao thông Huyện lộ ĐH.116, đoạn Mai Phụ - Ích Hậu, huyện Lộc Hà		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	110.000	500	75.000	75.000		500	35.000	
9	Đường LX03 đoạn từ Thiên Cẩm đến xã Cẩm Hòa, huyện Cẩm Xuyên		27/NQ-HĐND; 06/11/2021	120.000	500	92.974	92.974		500	30.000	



**Phụ lục DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU TIỀN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2023**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2022	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025				Nhu cầu kế hoạch năm 2022	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP			Đã bố trí kế hoạch năm 2021	Đã bố trí kế hoạch năm 2022	Số còn lại giai đoạn 2023-2025		
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>21.000</b>	<b>21.000</b>	<b>5.000</b>	<b>44.000</b>	<b>4.000</b>	<b>11.000</b>	<b>29.000</b>	<b>10.000</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo</b>		<b>21.000</b>	<b>21.000</b>	<b>5.000</b>	<b>19.000</b>	-	<b>5.000</b>	<b>14.000</b>	<b>5.000</b>	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>										
1	Nhà ký túc xá học sinh, Trường Trung học phổ thông Chuyên Hà Tĩnh	1132; 02/6/2022	21.000	21.000	5.000	19.000		5.000	14.000	5.000	
<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</b>					<b>25.000</b>	<b>4.000</b>	<b>6.000</b>	<b>15.000</b>	<b>5.000</b>	

**Phụ lục 10: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2023 VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Năm 2022				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2022		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2023		Ghi chú
							TMDT		Kế hoạch		Ước giải ngân từ 1/1/2022 đến 31/12/2022								
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp	
	<b>TỔNG SỐ</b>						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	-
A	<b>ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP ( Viện phí, bảo hiểm...)</b>						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	-
I	<b>Ngành, Lĩnh vực Y tế</b>						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	
a	<b>Các dự án khởi công mới năm 2023</b>						10.000	10.000	-	-	-	-	-	-	10.000	10.000	10.000	10.000	
I	Dự án: Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	Nhóm C	Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP Hà Tĩnh		2023-2023		10.000	10.000							10.000	10.000	10.000	10.000	